

Số: /2024/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 478 /TTr-STC ngày 13 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc để bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, trừ các công trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công hoặc vốn nhà nước ngoài đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, và đối tượng khác có liên quan đến việc sử dụng đất vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Mức nộp tiền

Mức nộp tiền của người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức nộp tiền} \\ \text{bảo vệ, phát} \\ \text{triển đất} \\ \text{trồng lúa} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Diện tích đất} \\ \text{chuyên trồng lúa} \\ \text{nước chuyển sang} \\ \text{đất phi nông nghiệp} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá của loại đất} \\ \text{trồng lúa tính theo} \\ \text{Bảng giá đất tại thời} \\ \text{điểm chuyển mục} \\ \text{đích sử dụng đất} \end{array} \times 60\%$$

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với các công trình, dự án đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa, đã thực hiện xong công trình, dự án mà chưa nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa hoặc các công trình, dự án đang thực hiện mà chưa nộp tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì nộp tiền theo mức quy định tại Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành quy định mức thu; thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuê tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Bộ Tài chính;
 - Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
 - Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Phúc;
 - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
 - Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
 - Báo Vĩnh Phúc; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
 - Như Điều 5;
 - CV NCTH
 - Lưu: VT.
- (Ng- b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Thị Kim Nga

